

Số: 29 /BC-SIMCO

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2023

**BÁO CÁO**

**Tình hình quản trị Công ty 06 đầu năm  
Năm 2023**

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

- Tên Công ty: Công ty cổ phần SIMCO Sông Đà
- Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: (024) 2223 2414 Fax:
- Email: [songda@simco.vn](mailto:songda@simco.vn)
- Vốn điều lệ: 262.061.580.000 VNĐ
- Mã chứng khoán: SDA
- Mô hình quản trị công ty:
- + Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc/Giám đốc
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ:

**I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông**

**II. Hội đồng quản trị 6 tháng đầu năm 2023**

**1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT):**

| Stt | Thành viên HĐQT         | Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành) | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập |                 |
|-----|-------------------------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|-----------------|
|     |                         |                                                           | Ngày bổ nhiệm                                           | Ngày miễn nhiệm |
| 1   | Ông Nguyễn Lương Phương | Chủ tịch HĐQT                                             | 15/11/2021                                              |                 |
| 2   | Bà Nguyễn Thị Hồng Ngọc | Phó chủ tịch Thường trực HĐQT                             | 12/04/2016                                              |                 |
| 3   | Ông Ngô Đức Anh         | Thành viên HĐQT độc lập/không điều hành                   | 24/06/2022                                              |                 |
| 4   | Ông Lê Quang Huy        | Thành viên HĐQT                                           | 24/06/2022                                              |                 |

|   |                 |                 |            |  |
|---|-----------------|-----------------|------------|--|
| 5 | Ông Vũ Đức Quân | Thành viên HĐQT | 22/06/2020 |  |
|---|-----------------|-----------------|------------|--|

## 2. Các cuộc họp HĐQT

| STT | Thành viên HĐQT         | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|-------------------------|--------------------------|-------------------|-------------------------|
| 1   | Ông Nguyễn Lương Phương | 04/04                    | 100%              |                         |
| 2   | Bà Nguyễn Thị Hồng Ngọc | 04/04                    | 100%              |                         |
| 3   | Ông Ngô Đức Anh         | 03/04                    | 75%               | Đi công tác             |
| 4   | Ông Lê Quang Huy        | 04/04                    | 100%              |                         |
| 5   | Ông Vũ Đức Quân         | 04/04                    | 100%              |                         |

## 3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:

Trong 06 tháng đầu năm HĐQT thực hiện hoạt động giám sát việc quản lý điều hành của Tổng giám đốc đảm bảo tuân thủ Điều lệ công ty và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

## 4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có):

## 5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị 06 tháng đầu năm 2023:

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày       | Nội dung                                                                                                    | Tỷ lệ thông qua |
|-----|---------------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1   | 01/SIMCO-HĐQT             | 27/3/2023  | NQ v/v thông qua việc chuyển nhượng một phần cổ phần của Công ty tại Công ty CP Khoáng sản SIMCO – FANSIPAN | 100%            |
| 2   | 02/SIMCO-HĐQT             | 07/04/2023 | NQ v/v gia hạn tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023                                                | 100%            |
| 3   | 03/SIMCO-HĐQT             | 08/05/2023 | NQ v/v triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023                                                  | 100%            |
| 4   | 04/SIMCO-HĐQT             | 29/5/2023  | NQ v/v điều chỉnh thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023                                       | 100%            |

## III. Ban kiểm soát 06 tháng đầu năm 2023:

### 1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS):

| STT | Thành viên BKS         | Chức vụ       | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS | Trình độ chuyên môn |
|-----|------------------------|---------------|------------------------------------------|---------------------|
| 1   | Bà Nguyễn Thị Thu Thủy | Trưởng ban KS | 15/11/2021                               | Cử nhân kinh tế     |
| 2   | Bà Trần Thị Thúy       | TV            | 24/5/2019                                | Cử nhân kế toán     |
| 3   | Bà Nguyễn Thị Hồng Dịu | TV            | 22/6/2020                                | Cử nhân kinh tế     |

## **2. Cuộc họp của BKS**

| STT. | Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự họp |
|------|----------------------------------|---------------------|-------------------|------------------|-------------------------|
| 1    | Nguyễn Thị Thu Thủy              | 1/1                 | 100%              | 100%             |                         |
| 2    | Bà Trần Thị Thúy                 | 1/1                 | 100%              | 100%             |                         |
| 3    | Bà Nguyễn Thị Hồng Dịu           | 1/1                 | 100%              | 100%             |                         |

## **3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:**

Qua công tác kiểm tra, giám sát, Ban kiểm soát (BKS) nhận thấy việc quản lý và điều hành của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành được tiến hành với sự cẩn trọng, tuân thủ đúng pháp luật, điều lệ Công ty.

### **Đối với hoạt động của HĐQT Công ty:**

- Các Nghị quyết HĐQT ban hành đúng trình tự, thủ tục theo luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, đúng định hướng phát triển đổi mới của Công ty, các cuộc họp do HĐQT triệu tập đầy đủ các thành viên của HĐQT, Ban Giám đốc và BKS tham dự, có biên bản họp sau khi kết thúc, những cuộc họp lấy ý kiến các thành viên đều được thực hiện theo đúng trình tự, đúng quy chế và điều lệ của Công ty.

- HĐQT đã tổ chức và duy trì đều đặn các buổi họp thường kỳ và đột xuất, bằng hình thức tập trung chiến lược phát triển Công ty, thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, thống nhất để ban hành các Nghị quyết, Quyết định, giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền trên cơ sở tuân thủ theo điều lệ Công ty và pháp luật.

- HĐQT đã ban hành, sửa đổi kịp thời các quy định, các Quy chế và các văn bản mới ban hành để áp dụng với thực tiễn vào tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty phù hợp với Luật Doanh nghiệp và luật pháp Việt Nam.

### **Đối với hoạt động của Ban Giám đốc điều hành:**

- Trong 06 đầu năm 2023 Ban Giám đốc điều hành đã triển khai kịp thời các chỉ thị, Nghị quyết của HĐQT Công ty, Ban Tổng Giám đốc đã hoạt động đúng chức năng nhiệm vụ, đúng quy chế phù hợp với luật doanh nghiệp, và điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

- Ban Giám đốc điều hành đã ban hành sửa đổi kịp thời các Quy trình, Quy chế để áp dụng vào thực tiễn một cách khoa học và có hiệu quả nhất trong công tác quản trị. Quản lý chi phí nhằm phù hợp với tình hình thực tế, theo xu hướng phát triển bền vững lâu dài của Công ty và nhất là đối với Công ty đại chúng đã niêm yết trên thị trường chứng khoán.

- Ban Giám đốc đã duy trì thường xuyên lịch họp giao ban thành phần tham gia đầy đủ, nội dung các cuộc họp tập trung giải quyết các vướng mắc, khó khăn trong công tác điều hành, quản lý, kinh doanh, đưa ra các biện pháp giải quyết ngay trong các cuộc họp. Trong các cuộc họp, Tổng Giám đốc cũng đã triển khai các công việc, đề ra các giải pháp để thực hiện kế hoạch, chỉ thị, Nghị quyết đã được HĐQT ban hành. Mỗi cuộc họp đều được thư ký tổng hợp đầy đủ các ý kiến thành biên bản lưu trữ tại văn thư.

#### **Với Cổ đông Công ty**

- Trong năm 06 tháng đầu năm 2023, BKS không nhận được bất kỳ đơn thư khiếu nại, hoặc thắc mắc nào của các cổ đông liên quan đến quản trị, điều hành của các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc hoặc số liệu về tình hình tài chính của Công ty cổ phần SIMCO Sông Đà.

#### **4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:**

- Tham gia đầy đủ các buổi họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban, điều hành sản xuất của Công ty.
- BKS cùng HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với Ban Giám đốc, trong quá trình chỉ đạo, điều hành, trực tiếp tham gia tháo gỡ các khó khăn đúng với chức năng và thẩm quyền, tuân thủ các quy định của pháp luật.
- BKS đã phối hợp với bộ phận công bố thông tin và các phòng ban chức năng để đăng tải toàn bộ các thông tin cần thiết theo quy định của pháp luật lên chuyên mục “Quan hệ cổ đông” tại địa chỉ trang thông tin điện tử Công ty Cổ phần SIMCO Sông Đà. Hàng tháng, quý, năm các số liệu về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh, báo cáo quản trị công ty và các thông tin bất thường khác (nếu có) đều được cung cấp đầy đủ chính xác và kịp thời cho các cổ đông và nhà đầu tư tham khảo.

#### **5. Hoạt động khác của BKS:**

#### **IV. Ban điều hành**

| STT | Thành viên<br>Ban điều hành | Ngày tháng<br>năm sinh | Trình độ<br>chuyên môn         | Ngày bổ nhiệm/<br>miễn nhiệm<br>thành viên Ban<br>điều hành |
|-----|-----------------------------|------------------------|--------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| 1   | Vũ Đức Quân                 | 25/05/1982             | Cử nhân kinh tế                | 24/12/2021                                                  |
| 2   | Nguyễn Thị Hồng Ngọc        | 17/04/1980             | Cử nhân kinh tế                | 01/12/2021                                                  |
| 3   | Nguyễn Ngọc Thạch           | 23/02/1976             | Cử nhân khoa học               | 6/8/2012                                                    |
| 4   | Trần Quang Huy              | 27/03/1983             | Cử nhân quản trị<br>kinh doanh | 01/12/2022                                                  |
| 5   | Vũ Viết Tài                 | 09/10/1985             | Cử nhân quản trị<br>kinh doanh | 16/12/2022                                                  |

**V. Kế toán trưởng**

| Họ và tên     | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm |
|---------------|---------------------|-------------------------------|---------------------------|
| Phạm Thị Hiếu | 30/03/1975          | Cử nhân kinh tế               | 20/4/2012                 |

**VI. Đào tạo về quản trị công ty:**

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty: *Không (Các thành viên HĐQT, BKS Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia các khóa đào tạo quản trị công ty các năm trước)*

**VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo 6 tháng năm 2023) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty****1. Danh sách về người có liên quan của công ty**

| STT | Tên tổ chức/cá nhân  | Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ liên quan với công ty |
|-----|----------------------|-----------------------------------------|------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|-------|-----------------------------------|
| 1   | Nguyễn Lương Phương  |                                         | Chủ tịch HĐQT                |                                 |                                       | 15/11/2021                              |                                           |       |                                   |
| 2   | Bá Thị Hòa           |                                         |                              |                                 |                                       | 15/11/2021                              |                                           |       | Mẹ đẻ                             |
| 3   | Trung Thị Toàn       |                                         |                              |                                 |                                       | 15/11/2021                              |                                           |       | Mẹ vợ                             |
| 4   | Nguyễn Thị Lan Anh   |                                         |                              |                                 |                                       | 15/11/2021                              |                                           |       | Vợ                                |
| 5   | Lương Thị Ngọc Lan   |                                         |                              |                                 |                                       | 15/11/2021                              |                                           |       | Em gái                            |
| 6   | Nguyễn Lương Tuấn    |                                         |                              |                                 |                                       | 15/11/2021                              |                                           |       | Em trai                           |
| 7   | Nguyễn Lương Yến Nhi |                                         |                              |                                 |                                       | 15/11/2021                              |                                           |       | Con gái                           |

|    |                                                |                          |                                       |  |  |            |  |  |          |
|----|------------------------------------------------|--------------------------|---------------------------------------|--|--|------------|--|--|----------|
| 8  | Nguyễn Lương Thu Hà                            |                          |                                       |  |  | 15/11/2021 |  |  | Con gái  |
| 9  | Nguyễn Lương Thảo Vy                           |                          |                                       |  |  | 15/11/2021 |  |  | Con gái  |
| 10 | Nguyễn Lương Dũng                              |                          |                                       |  |  | 15/11/2021 |  |  | Con trai |
| 11 | Phú Thị Hà                                     |                          |                                       |  |  | 15/11/2021 |  |  | Em dâu   |
| 12 | Nguyễn Huy Hưng                                |                          |                                       |  |  | 15/11/2021 |  |  | Em rể    |
| 13 | Công ty CP Đầu tư Công nghệ Smarttech Việt Nam | 045C066368               |                                       |  |  | 15/11/2021 |  |  |          |
| 14 | Nguyễn Thị Hồng Ngọc                           | 006C008890<br>044C668981 | Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám đốc |  |  | 12/04/2016 |  |  |          |
| 15 | Nguyễn Quang Dung                              |                          |                                       |  |  | 12/04/2016 |  |  | Bố đẻ    |
| 16 | Ngô Thị Kim Quế                                |                          |                                       |  |  | 12/04/2016 |  |  | Mẹ đẻ    |
| 17 | Nguyễn Thị Thu Hằng                            |                          |                                       |  |  | 12/04/2016 |  |  | Chị gái  |
| 18 | Nguyễn Thị Thu Nga                             |                          |                                       |  |  | 12/04/2016 |  |  | Chị gái  |
| 19 | Nguyễn Xuân Chính                              |                          |                                       |  |  | 12/04/2016 |  |  | Bố chồng |
| 20 | Nguyễn Thị Thủy                                |                          |                                       |  |  | 12/04/2016 |  |  | Mẹ chồng |

|    |                    |            |                                 |  |  |            |  |  |          |
|----|--------------------|------------|---------------------------------|--|--|------------|--|--|----------|
| 21 | Nguyễn Trọng Nghĩa |            |                                 |  |  | 12/04/2016 |  |  | Chồng    |
| 22 | Vũ Đức Quân        | 045C066268 | Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc |  |  | 22/06/2020 |  |  |          |
| 23 | Vũ Đức Liêm        |            |                                 |  |  | 22/06/2020 |  |  | Bố đẻ    |
| 24 | Phạm Thị Tuyết     |            |                                 |  |  | 22/06/2020 |  |  | Mẹ đẻ    |
| 25 | Vũ Đức Đoàn        |            |                                 |  |  | 22/06/2020 |  |  | Anh trai |
| 26 | Lê Quang Huy       |            | Thành viên HĐQT                 |  |  | 24/06/2022 |  |  |          |
| 27 | Lê Đình Tục        |            |                                 |  |  | 24/06/2022 |  |  | Bố đẻ    |
| 28 | Lê Thị Thủy        |            |                                 |  |  | 24/06/2022 |  |  | Mẹ đẻ    |
| 29 | Ngô Thị Minh       |            |                                 |  |  | 24/06/2022 |  |  | Vợ       |
| 30 | Lê Minh Thành      |            |                                 |  |  | 24/06/2022 |  |  | Con trai |

|    |                 |                                         |                    |  |  |            |  |  |         |
|----|-----------------|-----------------------------------------|--------------------|--|--|------------|--|--|---------|
| 31 | Lê Hồng Du      |                                         |                    |  |  | 24/06/2022 |  |  | Em trai |
| 32 | Lê Đình Kiên    |                                         |                    |  |  | 24/06/2022 |  |  | Em trai |
| 33 | Lê Quang Trung  |                                         |                    |  |  | 24/06/2022 |  |  | Em trai |
| 34 | Lê Trung Hiếu   |                                         |                    |  |  | 24/06/2022 |  |  | Em trai |
| 35 | Ngô Đức Anh     | TVSI:<br>1959971<br>TCBS:<br>105C619976 | Thành viên<br>HDQT |  |  | 24/06/2022 |  |  |         |
| 36 | Ngô Tiến Dũng   |                                         |                    |  |  | 24/06/2022 |  |  | Bố đẻ   |
| 37 | Lại Thị Hưng    |                                         |                    |  |  | 24/06/2022 |  |  | Mẹ đẻ   |
| 38 | Ngô Phương Linh |                                         |                    |  |  | 24/06/2022 |  |  | Em gái  |
| 39 | Trần Quang Huy  | 026C856416                              | Giám đốc điều hành |  |  | 01/12/2022 |  |  |         |

|    |                                                                            |  |  |  |  |            |  |  |                      |
|----|----------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|------------|--|--|----------------------|
| 40 | Lê Thanh Loan                                                              |  |  |  |  | 01/12/2022 |  |  | Vợ                   |
| 41 | Trần Quốc Dân                                                              |  |  |  |  | 01/12/2022 |  |  | Bố                   |
| 42 | Ngô Thị Hiền                                                               |  |  |  |  | 01/12/2022 |  |  | Mẹ                   |
| 43 | Lê Nam Vui                                                                 |  |  |  |  | 01/12/2022 |  |  | Bố vợ                |
| 44 | Trịnh Thị Liệu                                                             |  |  |  |  | 01/12/2022 |  |  | Mẹ Vợ                |
| 45 | Trần Hà Linh                                                               |  |  |  |  | 01/12/2022 |  |  | Con                  |
| 46 | Trần Minh Khôi                                                             |  |  |  |  | 01/12/2022 |  |  | Con                  |
| 47 | Công ty CP Giải pháp tiết kiệm nhiên liệu và bảo vệ môi trường PlauMai Eco |  |  |  |  | 01/12/2022 |  |  | Tổ chức có liên quan |
| 48 | Công ty CP Công nghệ tiêu dùng Bách Việt                                   |  |  |  |  | 01/12/2022 |  |  | Tổ chức có liên quan |
| 49 | Công ty CP Công nghệ thực phẩm Bách Việt                                   |  |  |  |  | 01/12/2022 |  |  | Tổ chức có liên quan |
| 50 | Công ty CP Phát triển thương                                               |  |  |  |  | 01/12/2022 |  |  | Tổ chức có           |

|    |                                                 |            |                            |  |  |            |  |  |                                  |
|----|-------------------------------------------------|------------|----------------------------|--|--|------------|--|--|----------------------------------|
|    | mại Hoa<br>Linh                                 |            |                            |  |  |            |  |  | liên<br>quan                     |
| 51 | Nguyễn<br>Ngọc<br>Thạch                         | 006C008774 | Phó<br>Tổng<br>Giám<br>đốc |  |  | 06/08/2012 |  |  |                                  |
| 52 | Ngô Thị<br>Hòa                                  | 006C008885 |                            |  |  | 06/08/2012 |  |  | Vợ                               |
| 53 | Vũ Viết<br>Tài                                  |            | Phó<br>Tổng<br>Giám<br>đốc |  |  | 16/12/2022 |  |  |                                  |
| 54 | Vũ Văn<br>Hoa                                   |            |                            |  |  | 16/12/2022 |  |  | Bố                               |
| 55 | Nguyễn<br>Thị Hợi                               |            |                            |  |  | 16/12/2022 |  |  | Mẹ                               |
| 56 | Trần Thị<br>Bích<br>Phượng                      |            |                            |  |  | 16/12/2022 |  |  | Vợ                               |
| 57 | Trần Tiến<br>Cường                              |            |                            |  |  | 16/12/2022 |  |  | Bố vợ                            |
| 58 | Nguyễn<br>Thị Bích                              |            |                            |  |  | 16/12/2022 |  |  | Mẹ<br>Vợ                         |
| 59 | Vũ Nam<br>Thành                                 |            |                            |  |  | 16/12/2022 |  |  | Con                              |
| 60 | Vũ Bảo<br>Trâm                                  |            |                            |  |  | 16/12/2022 |  |  | Con                              |
| 61 | Công ty<br>cổ phần<br>tập đoàn<br>Park<br>World |            |                            |  |  | 16/12/2022 |  |  | Tổ<br>chức<br>có<br>liên<br>quan |
| 62 | Công ty<br>TNHH<br>Royback<br>Landscape         |            |                            |  |  | 16/12/2022 |  |  | Tổ<br>chức<br>có<br>liên<br>quan |

|    |                     |                                                                   |                                  |  |  |            |  |  |       |
|----|---------------------|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------|--|--|------------|--|--|-------|
| 63 | Võ Kim Sơn          |                                                                   | Người phụ trách quản trị Công ty |  |  | 31/03/2021 |  |  |       |
| 64 | Phạm Thị Hòa        |                                                                   |                                  |  |  | 31/03/2021 |  |  | Vợ    |
| 65 | Võ Minh Hoàng       |                                                                   |                                  |  |  | 31/03/2021 |  |  | Con   |
| 66 | Võ Thị Thu Giang    |                                                                   |                                  |  |  | 31/03/2021 |  |  | Con   |
| 67 | Phạm Thị Hiếu       | 009C004589<br>058C<br>022566<br>026C<br>324661<br>005C<br>2076811 | Kế toán trưởng                   |  |  | 20/04/2012 |  |  |       |
| 68 | Phan Anh Tuấn       |                                                                   |                                  |  |  | 20/04/2012 |  |  | Chồng |
| 69 | Nguyễn Thị Thu Thủy |                                                                   | Trưởng ban kiểm soát             |  |  | 15/11/2021 |  |  |       |
| 70 | Nguyễn Minh Sơn     |                                                                   |                                  |  |  | 15/11/2021 |  |  | Bố    |
| 71 | Nguyễn Thị Nga      |                                                                   |                                  |  |  | 15/11/2021 |  |  | Mẹ    |
| 72 | Vũ Nam Thủy Tiên    |                                                                   |                                  |  |  | 15/11/2021 |  |  | Con   |

|    |                     |  |                |  |  |            |  |  |          |
|----|---------------------|--|----------------|--|--|------------|--|--|----------|
| 73 | Vũ Nam Phong        |  |                |  |  | 15/11/2021 |  |  | Con      |
| 74 | Nguyễn Đức Phan     |  |                |  |  | 15/11/2021 |  |  | Chồng    |
| 75 | Nguyễn Tiến Hoàng   |  |                |  |  | 15/11/2021 |  |  | Em trai  |
| 76 | Nguyễn Thị Hồng Dịu |  | Thành viên BKS |  |  | 22/06/2020 |  |  |          |
| 77 | Nguyễn Văn Bút      |  |                |  |  | 22/06/2020 |  |  | Bố       |
| 78 | Bùi Thị Rần         |  |                |  |  | 22/06/2020 |  |  | Mẹ       |
| 79 | Nguyễn Xuân Bách    |  |                |  |  | 22/06/2020 |  |  | Anh trai |
| 80 | Trần Hồng Quân      |  |                |  |  | 22/06/2020 |  |  | Chồng    |
| 81 | Trần Thị Thúy       |  | Thành viên BKS |  |  | 24/05/2019 |  |  |          |
| 82 | Trần Xuân Tiệc      |  |                |  |  | 24/05/2019 |  |  | Bố       |
| 83 | Phạm Thị Thập       |  |                |  |  | 24/05/2019 |  |  | Mẹ       |
| 84 | Trần Thị Hiếu       |  |                |  |  | 24/05/2019 |  |  | Chị gái  |
| 85 | Trần Thị Thủy       |  |                |  |  | 24/05/2019 |  |  | Chị gái  |
| 86 | Trần Xuân Lực       |  |                |  |  | 24/05/2019 |  |  | Anh trai |

|    |              |  |  |  |  |            |  |  |          |
|----|--------------|--|--|--|--|------------|--|--|----------|
| 87 | Trần Văn Sơn |  |  |  |  | 24/05/2019 |  |  | Anh trai |
| 88 | Lê Quốc Mạnh |  |  |  |  | 24/05/2019 |  |  | Chồng    |

*Ghi chú/Note: số Giấy NSH\*: số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH).*

**2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ**

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết / Quyết định của HĐQT/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch | Ghi chú |
|-----|---------------------|-----------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------|
|     |                     |                                   |                                 |                                       |                                 |                                                                                       |                                            |         |

*Ghi chú/Note: số Giấy NSH\*: số CMND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH No.:*

**3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát.**

| Stt | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | Chức vụ tại CTNY | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ | Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát | Thời điểm giao dịch | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ | Ghi chú |
|-----|---------------------------|--------------------------|------------------|-------------------------------------|---------|------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------|---------|
|     |                           |                          |                  |                                     |         |                                                      |                     |                                             |         |

**4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác**

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành.

| STT | Tên tổ chức/cá nhân                                   | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch            | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------|
| 1   | Công ty CP Tự động hoá và công nghệ thông tin Sông Đà | Công ty liên kết                  |                                 |                                       | 31/01/2023                      |                                                                                       | Tiền điện tháng 1/2023, 339.500                       |         |
| 2   | Công ty CP Tự động hoá và công nghệ thông tin Sông Đà | Công ty liên kết                  |                                 |                                       | 31/01/2023                      |                                                                                       | Thuế GTGT - Tiền điện tháng 1/2023, 33.950            |         |
| 3   | Công ty CP Tự động hoá và công nghệ thông tin Sông Đà | Công ty liên kết                  |                                 |                                       | 31/01/2023                      |                                                                                       | Tiền phí dịch vụ tháng 1/2023, 200.000                |         |
| 4   | Công ty CP Tự động hoá và công nghệ thông tin Sông Đà | Công ty liên kết                  |                                 |                                       | 31/01/2023                      |                                                                                       | Thuế GTGT - Tiền phí dịch vụ tháng 1/2023, 20.000     |         |
| 5   | Công ty CP Tự động hoá và công nghệ thông tin Sông Đà | Công ty liên kết                  |                                 |                                       | 31/01/2023                      |                                                                                       | Tiền thuê văn phòng tháng 1/2023, 6.500.000           |         |
| 6   | Công ty CP Tự động hoá và công nghệ                   | Công ty liên kết                  |                                 |                                       | 31/01/2023                      |                                                                                       | Thuế GTGT - Tiền thuê văn phòng tháng 1/2023, 650.000 |         |

|    |                                                       |                  |  |  |            |  |                                                                                                                       |  |
|----|-------------------------------------------------------|------------------|--|--|------------|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    | thông tin Sông Đà                                     |                  |  |  |            |  |                                                                                                                       |  |
| 7  | Công ty CP Tự động hoá và công nghệ thông tin Sông Đà | Công ty liên kết |  |  | 15/02/2023 |  | Thu tiền của CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ ĐỘNG HOÁ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN SÔNG ĐÀ theo hóa đơn 00000081 tháng 8/2022, 9.197.492 |  |
| 8  | Công ty CP Tự động hoá và công nghệ thông tin Sông Đà | Công ty liên kết |  |  | 21/02/2023 |  | Tiền điện tháng 2/2023, 142.625                                                                                       |  |
| 9  | Công ty CP Tự động hoá và công nghệ thông tin Sông Đà | Công ty liên kết |  |  | 21/02/2023 |  | Thuế GTGT - Tiền điện tháng 2/2023, 14.263                                                                            |  |
| 10 | Công ty CP Tự động hoá và công nghệ thông tin Sông Đà | Công ty liên kết |  |  | 21/02/2023 |  | Tiền phí dịch vụ tháng 2/2023, 200.000                                                                                |  |
| 11 | Công ty CP Tự động hoá và công nghệ thông tin Sông Đà | Công ty liên kết |  |  | 21/02/2023 |  | Thuế GTGT - Tiền phí dịch vụ tháng 2/2023, 20.000                                                                     |  |
| 12 | Công ty CP Tự động hoá và công nghệ thông tin Sông Đà | Công ty liên kết |  |  | 21/02/2023 |  | Tiền thuê văn phòng tháng 2/2023, 6.500.000                                                                           |  |
| 13 | Công ty CP Tự động hoá và công nghệ                   | Công ty liên kết |  |  | 21/02/2023 |  | Thuế GTGT - Tiền thuê văn phòng tháng 2/2023, 650.000                                                                 |  |

|    |                                                       |                  |  |  |            |  |                                                       |  |
|----|-------------------------------------------------------|------------------|--|--|------------|--|-------------------------------------------------------|--|
|    | thông tin Sông Đà                                     |                  |  |  |            |  |                                                       |  |
| 14 | Công ty CP Tự động hoá và công nghệ thông tin Sông Đà | Công ty liên kết |  |  | 20/03/2023 |  | Tiền điện tháng 3/2023, 136.745                       |  |
| 15 | Công ty CP Tự động hoá và công nghệ thông tin Sông Đà | Công ty liên kết |  |  | 20/03/2023 |  | Thuế GTGT - Tiền điện tháng 3/2023, 13.675            |  |
| 16 | Công ty CP Tự động hoá và công nghệ thông tin Sông Đà | Công ty liên kết |  |  | 20/03/2023 |  | Tiền phí dịch vụ tháng 3/2023, 200.000                |  |
| 17 | Công ty CP Tự động hoá và công nghệ thông tin Sông Đà | Công ty liên kết |  |  | 20/03/2023 |  | Thuế GTGT - Tiền phí dịch vụ tháng 3/2023, 20.000     |  |
| 18 | Công ty CP Tự động hoá và công nghệ thông tin Sông Đà | Công ty liên kết |  |  | 20/03/2023 |  | Tiền thuê văn phòng tháng 3/2023, 6.500.000           |  |
| 19 | Công ty CP Tự động hoá và công nghệ thông tin Sông Đà | Công ty liên kết |  |  | 20/03/2023 |  | Thuế GTGT - Tiền thuê văn phòng tháng 3/2023, 650.000 |  |
| 20 | Công ty CP Tự động hoá và công nghệ thông tin Sông Đà | Công ty liên kết |  |  | 20/04/2023 |  | Tiền điện tháng 4/2023, 127.330                       |  |

|    |                                                       |                  |  |  |            |  |                                                       |  |
|----|-------------------------------------------------------|------------------|--|--|------------|--|-------------------------------------------------------|--|
| 21 | Công ty CP Tự động hoá và công nghệ thông tin Sông Đà | Công ty liên kết |  |  | 20/04/2023 |  | Thuế GTGT - Tiền điện tháng 4/2023, 12.733            |  |
| 22 | Công ty CP Tự động hoá và công nghệ thông tin Sông Đà | Công ty liên kết |  |  | 20/04/2023 |  | Tiền phí dịch vụ tháng 4/2023, 200.000                |  |
| 23 | Công ty CP Tự động hoá và công nghệ thông tin Sông Đà | Công ty liên kết |  |  | 20/04/2023 |  | Thuế GTGT - Tiền phí dịch vụ tháng 4/2023, 20.000     |  |
| 24 | Công ty CP Tự động hoá và công nghệ thông tin Sông Đà | Công ty liên kết |  |  | 20/04/2023 |  | Tiền thuê văn phòng tháng 4/2023, 6.500.000           |  |
| 25 | Công ty CP Tự động hoá và công nghệ thông tin Sông Đà | Công ty liên kết |  |  | 20/04/2023 |  | Thuế GTGT - Tiền thuê văn phòng tháng 4/2023, 650.000 |  |
| 26 | Công ty CP Tự động hoá và công nghệ thông tin Sông Đà | Công ty liên kết |  |  | 24/05/2023 |  | Tiền điện tháng 5/2023, 75.985                        |  |
| 27 | Công ty CP Tự động hoá và công nghệ thông tin Sông Đà | Công ty liên kết |  |  | 24/05/2023 |  | Thuế GTGT - Tiền điện tháng 5/2023, 7.599             |  |
| 28 | Công ty CP Tự động hoá và công nghệ thông tin Sông Đà | Công ty liên kết |  |  | 24/05/2023 |  | Tiền phí dịch vụ tháng 5/2023, 200.000                |  |

|    |                                                       |                  |  |  |            |  |                                                       |  |
|----|-------------------------------------------------------|------------------|--|--|------------|--|-------------------------------------------------------|--|
|    | động hoá và công nghệ thông tin Sông Đà               |                  |  |  |            |  |                                                       |  |
| 29 | Công ty CP Tự động hoá và công nghệ thông tin Sông Đà | Công ty liên kết |  |  | 24/05/2023 |  | Thuế GTGT - Tiền phí dịch vụ tháng 5/2023, 20.000     |  |
| 30 | Công ty CP Tự động hoá và công nghệ thông tin Sông Đà | Công ty liên kết |  |  | 24/05/2023 |  | Tiền thuê văn phòng tháng 5/2023, 6.500.000           |  |
| 31 | Công ty CP Tự động hoá và công nghệ thông tin Sông Đà | Công ty liên kết |  |  | 24/05/2023 |  | Thuế GTGT - Tiền thuê văn phòng tháng 5/2023, 650.000 |  |
| 32 | Công ty CP Tự động hoá và công nghệ thông tin Sông Đà | Công ty liên kết |  |  | 19/06/2023 |  | Tiền điện tháng 6/2023, 22.330                        |  |
| 33 | Công ty CP Tự động hoá và công nghệ thông tin Sông Đà | Công ty liên kết |  |  | 19/06/2023 |  | Thuế GTGT - Tiền điện tháng 6/2023, 2.233             |  |
| 34 | Công ty CP Tự động hoá và công nghệ thông tin Sông Đà | Công ty liên kết |  |  | 19/06/2023 |  | Tiền phí dịch vụ tháng 6/2023, 200.000                |  |
| 35 | Công ty CP Tự động hoá và công nghệ thông tin Sông Đà | Công ty liên kết |  |  | 19/06/2023 |  | Thuế GTGT - Tiền phí dịch vụ tháng 6/2023, 20.000     |  |

|    |                                                                         |                                                      |  |  |            |  |                                                                                   |  |
|----|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|--|--|------------|--|-----------------------------------------------------------------------------------|--|
|    | nghệ<br>thông tin<br>Sông Đà                                            |                                                      |  |  |            |  |                                                                                   |  |
| 36 | Công ty<br>CP Tự<br>động hoá<br>và công<br>nghệ<br>thông tin<br>Sông Đà | Công ty<br>liên kết                                  |  |  | 19/06/2023 |  | Tiền thuê văn phòng<br>tháng 6/2023,<br>6.500.000                                 |  |
| 37 | Công ty<br>CP Tự<br>động hoá<br>và công<br>nghệ<br>thông tin<br>Sông Đà | Công ty<br>liên kết                                  |  |  | 19/06/2023 |  | Thuế GTGT - Tiền<br>thuê văn phòng tháng<br>6/2023, 650.000                       |  |
| 38 | Công ty<br>cổ phần<br>Đầu tư<br>Sao Thái<br>Dương                       | Người có<br>liên quan<br>với Phó<br>Chủ tịch<br>HĐQT |  |  | 31/01/2023 |  | Tiền phí dịch vụ tháng<br>01/2023, 3.200.000                                      |  |
| 39 | Công ty<br>cổ phần<br>Đầu tư<br>Sao Thái<br>Dương                       | Người có<br>liên quan<br>với Phó<br>Chủ tịch<br>HĐQT |  |  | 31/01/2023 |  | Thuế GTGT - Tiền phí<br>dịch vụ tháng 01/2023,<br>320.000                         |  |
| 40 | Công ty<br>cổ phần<br>Đầu tư<br>Sao Thái<br>Dương                       | Người có<br>liên quan<br>với Phó<br>Chủ tịch<br>HĐQT |  |  | 31/01/2023 |  | Tiền điện tháng<br>01/2023 (từ ngày<br>12/12/22-11/1/23),<br>4.961.760            |  |
| 41 | Công ty<br>cổ phần<br>Đầu tư<br>Sao Thái<br>Dương                       | Người có<br>liên quan<br>với Phó<br>Chủ tịch<br>HĐQT |  |  | 31/01/2023 |  | Thuế GTGT - Tiền<br>điện tháng 01/2023 (từ<br>ngày 12/12/22-<br>11/1/23), 496.176 |  |
| 42 | Công ty<br>cổ phần<br>Đầu tư<br>Sao Thái<br>Dương                       | Người có<br>liên quan<br>với Phó<br>Chủ tịch<br>HĐQT |  |  | 21/02/2023 |  | Tiền phí dịch vụ tháng<br>02/2023, 3.200.000                                      |  |
| 43 | Công ty<br>cổ phần<br>Đầu tư<br>Sao Thái<br>Dương                       | Người có<br>liên quan<br>với Phó<br>Chủ tịch<br>HĐQT |  |  | 21/02/2023 |  | Thuế GTGT - Tiền phí<br>dịch vụ tháng 02/2023,<br>320.000                         |  |
| 44 | Công ty<br>cổ phần<br>Đầu tư                                            | Người có<br>liên quan<br>với Phó                     |  |  | 21/02/2023 |  | Tiền điện tháng<br>02/2023, 4.271.160                                             |  |

|    |                                       |                                          |  |  |            |  |                                                                                                               |  |
|----|---------------------------------------|------------------------------------------|--|--|------------|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    | Sao Thái Dương                        | Chủ tịch HĐQT                            |  |  |            |  |                                                                                                               |  |
| 45 | Công ty cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương | Người có liên quan với Phó Chủ tịch HĐQT |  |  | 21/02/2023 |  | Thuế GTGT - Tiền điện tháng 02/2023, 427.116                                                                  |  |
| 46 | Công ty cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương | Người có liên quan với Phó Chủ tịch HĐQT |  |  | 23/02/2023 |  | Thu tiền của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THÁI DƯƠNG theo hóa đơn 00000006, 00000014 tháng 1+2/2023, 17.196.212 |  |
| 47 | Công ty cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương | Người có liên quan với Phó Chủ tịch HĐQT |  |  | 20/03/2023 |  | Tiền phí dịch vụ tháng 03/2023, 3.000.000                                                                     |  |
| 48 | Công ty cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương | Người có liên quan với Phó Chủ tịch HĐQT |  |  | 20/03/2023 |  | Thuế GTGT - Tiền phí dịch vụ tháng 03/2023, 300.000                                                           |  |
| 49 | Công ty cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương | Người có liên quan với Phó Chủ tịch HĐQT |  |  | 20/03/2023 |  | Tiền điện tháng 03/2023, 3.446.700                                                                            |  |
| 50 | Công ty cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương | Người có liên quan với Phó Chủ tịch HĐQT |  |  | 20/03/2023 |  | Thuế GTGT - Tiền điện tháng 03/2023, 344.670                                                                  |  |
| 51 | Công ty cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương | Người có liên quan với Phó Chủ tịch HĐQT |  |  | 20/04/2023 |  | Tiền phí dịch vụ tháng 04/2023, 3.000.000                                                                     |  |
| 52 | Công ty cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương | Người có liên quan với Phó Chủ tịch HĐQT |  |  | 20/04/2023 |  | Thuế GTGT - Tiền phí dịch vụ tháng 04/2023, 300.000                                                           |  |
| 53 | Công ty cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương | Người có liên quan với Phó Chủ tịch HĐQT |  |  | 20/04/2023 |  | Tiền điện tháng 04/2023, 6.133.500                                                                            |  |

|    |                                       |                                          |  |  |            |  |                                                                                                                             |  |
|----|---------------------------------------|------------------------------------------|--|--|------------|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 54 | Công ty cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương | Người có liên quan với Phó Chủ tịch HĐQT |  |  | 20/04/2023 |  | Thuế GTGT - Tiền điện tháng 04/2023, 613.350                                                                                |  |
| 55 | Công ty cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương | Người có liên quan với Phó Chủ tịch HĐQT |  |  | 24/04/2023 |  | Thu tiền của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THÁI DƯƠNG theo hóa đơn 00000023, 00000037 tiền điện PDV tháng 3+4/2023, 17.138.220 |  |
| 56 | Công ty cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương | Người có liên quan với Phó Chủ tịch HĐQT |  |  | 24/05/2023 |  | Tiền phí dịch vụ tháng 05/2023, 2.600.000                                                                                   |  |
| 57 | Công ty cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương | Người có liên quan với Phó Chủ tịch HĐQT |  |  | 24/05/2023 |  | Thuế GTGT - Tiền phí dịch vụ tháng 05/2023, 260.000                                                                         |  |
| 58 | Công ty cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương | Người có liên quan với Phó Chủ tịch HĐQT |  |  | 24/05/2023 |  | Tiền điện tháng 05/2023, 4.029.900                                                                                          |  |
| 59 | Công ty cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương | Người có liên quan với Phó Chủ tịch HĐQT |  |  | 24/05/2023 |  | Thuế GTGT - Tiền điện tháng 05/2023, 402.990                                                                                |  |
| 60 | Công ty cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương | Người có liên quan với Phó Chủ tịch HĐQT |  |  | 31/05/2023 |  | Thu tiền của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THÁI DƯƠNG theo hóa đơn 00000048 thanh toán tiền điện PDV tháng 05/2023, 7.292.890  |  |
| 61 | Công ty cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương | Người có liên quan với Phó Chủ tịch HĐQT |  |  | 19/06/2023 |  | Tiền phí dịch vụ tháng 06/2023, 2.600.000                                                                                   |  |
| 62 | Công ty cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương | Người có liên quan với Phó Chủ tịch HĐQT |  |  | 19/06/2023 |  | Thuế GTGT - Tiền phí dịch vụ tháng 06/2023, 260.000                                                                         |  |

|    |                                       |                                          |  |  |            |  |                                                                             |  |
|----|---------------------------------------|------------------------------------------|--|--|------------|--|-----------------------------------------------------------------------------|--|
| 63 | Công ty cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương | Người có liên quan với Phó Chủ tịch HĐQT |  |  | 19/06/2023 |  | Tiền điện tháng 06/2023, 4.101.300                                          |  |
| 64 | Công ty cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương | Người có liên quan với Phó Chủ tịch HĐQT |  |  | 19/06/2023 |  | Thuế GTGT - Tiền điện tháng 06/2023, 410.130                                |  |
| 65 | Công ty CP Đầu tư công nghệ HXS Vina  | Người có liên quan với Phó Chủ tịch HĐQT |  |  | 30/06/2023 |  | Hạch toán dự thu lãi phải thu đến 30/06/2023 các khoản cho vay, 620.359.000 |  |
| 66 | Công ty CP Đầu tư công nghệ HXS Vina  | Người có liên quan với Phó Chủ tịch HĐQT |  |  | 30/06/2023 |  | Hạch toán dự thu lãi phải thu đến 30/06/2023 các khoản cho vay, 543.280.000 |  |

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác.

### **VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ**

#### **1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ công ty**

| STT | Họ tên              | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|-----|---------------------|------------------------------------------|------------------------------|--------------------------------------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| 1   | Nguyễn Lương Phương |                                          | Chủ tịch HĐQT                |                                      |                 | 0                          | 0                             |         |
| 2   | Bá Thị Hòa          |                                          |                              |                                      |                 | 0                          | 0                             |         |
| 3   | Trung Thị Toàn      |                                          |                              |                                      |                 | 0                          | 0                             |         |
| 4   | Nguyễn Thị Lan Anh  |                                          |                              |                                      |                 | 0                          | 0                             |         |

|    |                                                |                          |                                       |  |  |           |        |  |
|----|------------------------------------------------|--------------------------|---------------------------------------|--|--|-----------|--------|--|
| 5  | Lương Thị Ngọc Lan                             |                          |                                       |  |  | 0         | 0      |  |
| 6  | Nguyễn Lương Tuấn                              |                          |                                       |  |  | 0         | 0      |  |
| 7  | Nguyễn Lương Yến Nhi                           |                          |                                       |  |  | 0         | 0      |  |
| 8  | Nguyễn Lương Thu Hà                            |                          |                                       |  |  | 0         | 0      |  |
| 9  | Nguyễn Lương Thảo Vy                           |                          |                                       |  |  | 0         | 0      |  |
| 10 | Nguyễn Lương Dũng                              |                          |                                       |  |  | 0         | 0      |  |
| 11 | Phú Thị Hà                                     |                          |                                       |  |  | 0         | 0      |  |
| 12 | Nguyễn Huy Hưng                                |                          |                                       |  |  | 0         | 0      |  |
| 13 | Công ty CP Đầu tư Công nghệ Smarttech Việt Nam | 045C066368               |                                       |  |  | 1.000.000 | 3,82%  |  |
| 14 | Nguyễn Thị Hồng Ngọc                           | 006C008890<br>044C668981 | Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám đốc |  |  | 4.004.766 | 15,28% |  |
| 15 | Nguyễn Quang Dung                              |                          |                                       |  |  | 0         | 0      |  |
| 16 | Ngô Thị Kim Quế                                |                          |                                       |  |  | 0         | 0      |  |
| 17 | Nguyễn Thị Thu Hằng                            |                          |                                       |  |  | 0         | 0      |  |
| 18 | Nguyễn Thị Thu Nga                             |                          |                                       |  |  | 0         | 0      |  |

|    |                    |            |                                 |  |  |       |       |  |
|----|--------------------|------------|---------------------------------|--|--|-------|-------|--|
| 19 | Nguyễn Xuân Chính  |            |                                 |  |  | 0     | 0     |  |
| 20 | Nguyễn Thị Thủy    |            |                                 |  |  | 0     | 0     |  |
| 21 | Nguyễn Trọng Nghĩa |            |                                 |  |  | 3.400 | 1,00% |  |
| 22 | Vũ Đức Quân        | 045C066268 | Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc |  |  | 0     | 0%    |  |
| 23 | Vũ Đức Liêm        |            |                                 |  |  | 0     | 0     |  |
| 24 | Phạm Thị Tuyết     |            |                                 |  |  | 0     | 0     |  |
| 25 | Vũ Đức Đoàn        |            |                                 |  |  | 0     | 0     |  |
| 26 | Lê Quang Huy       |            | Thành viên HĐQT                 |  |  | 0     | 0     |  |
| 27 | Lê Đình Tục        |            |                                 |  |  | 0     | 0     |  |
| 28 | Lê Thị Thủy        |            |                                 |  |  | 0     | 0     |  |
| 29 | Ngô Thị Minh       |            |                                 |  |  | 0     | 0     |  |
| 30 | Lê Minh Thành      |            |                                 |  |  | 0     | 0     |  |
| 31 | Lê Hồng Du         |            |                                 |  |  | 0     | 0     |  |

|    |                 |                                         |                    |  |  |         |       |  |
|----|-----------------|-----------------------------------------|--------------------|--|--|---------|-------|--|
| 32 | Lê Đình Kiên    |                                         |                    |  |  | 0       | 0     |  |
| 33 | Lê Quang Trung  |                                         |                    |  |  | 0       | 0     |  |
| 34 | Lê Trung Hiếu   |                                         |                    |  |  | 0       | 0     |  |
| 35 | Ngô Đức Anh     | TVSI:<br>1959971<br>TCBS:<br>105C619976 | Thành viên HĐQT    |  |  | 200.000 | 0,76% |  |
| 36 | Ngô Tiến Dũng   |                                         |                    |  |  | 0       | 0     |  |
| 37 | Lại Thị Hưng    |                                         |                    |  |  | 0       | 0     |  |
| 38 | Ngô Phương Linh |                                         |                    |  |  | 0       | 0     |  |
| 39 | Trần Quang Huy  | 026C856416                              | Giám đốc điều hành |  |  | 0       | 0     |  |
| 40 | Lê Thanh Loan   |                                         |                    |  |  | 0       | 0     |  |
| 41 | Trần Quốc Dân   |                                         |                    |  |  | 0       | 0     |  |
| 42 | Ngô Thị Hiền    |                                         |                    |  |  | 0       | 0     |  |
| 43 | Lê Nam Vui      |                                         |                    |  |  | 0       | 0     |  |

|    |                                                                                                       |            |                      |  |  |     |   |  |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|----------------------|--|--|-----|---|--|
| 44 | Trịnh Thị<br>Liệu                                                                                     |            |                      |  |  | 0   | 0 |  |
| 45 | Trần Hà<br>Linh                                                                                       |            |                      |  |  | 0   | 0 |  |
| 46 | Trần Minh<br>Khôi                                                                                     |            |                      |  |  | 0   | 0 |  |
| 47 | Công ty<br>CP Giải<br>pháp tiết<br>kiệm<br>nhiên liệu<br>và bảo vệ<br>môi<br>trường<br>PlauMai<br>Eco |            |                      |  |  | 0   | 0 |  |
| 48 | Công ty<br>CP Công<br>nghệ tiêu<br>dùng Bách<br>Việt                                                  |            |                      |  |  | 0   | 0 |  |
| 49 | Công ty<br>CP Công<br>nghệ thực<br>phẩm<br>Bách Việt                                                  |            |                      |  |  | 0   | 0 |  |
| 50 | Công ty<br>CP Phát<br>triển<br>thương<br>mại Hoa<br>Linh                                              |            |                      |  |  | 0   | 0 |  |
| 51 | Nguyễn<br>Ngọc<br>Thạch                                                                               | 006C008774 | Phó Tổng<br>Giám đốc |  |  | 140 |   |  |
| 52 | Ngô Thị<br>Hòa                                                                                        | 006C008885 |                      |  |  | 217 |   |  |
| 53 | Vũ Việt<br>Tài                                                                                        |            | Phó Tổng<br>Giám đốc |  |  | 0   | 0 |  |
| 54 | Vũ Văn<br>Hoa                                                                                         |            |                      |  |  | 0   | 0 |  |

|    |                                     |                                          |                                  |  |  |   |   |  |
|----|-------------------------------------|------------------------------------------|----------------------------------|--|--|---|---|--|
| 55 | Nguyễn Thị Hời                      |                                          |                                  |  |  | 0 | 0 |  |
| 56 | Trần Thị Bích Phượng                |                                          |                                  |  |  | 0 | 0 |  |
| 57 | Trần Tiến Cường                     |                                          |                                  |  |  | 0 | 0 |  |
| 58 | Nguyễn Thị Bích                     |                                          |                                  |  |  | 0 | 0 |  |
| 59 | Vũ Nam Thành                        |                                          |                                  |  |  | 0 | 0 |  |
| 60 | Vũ Bảo Trâm                         |                                          |                                  |  |  | 0 | 0 |  |
| 61 | Công ty cổ phần tập đoàn Park World |                                          |                                  |  |  | 0 | 0 |  |
| 62 | Công ty TNHH Royback Landscape      |                                          |                                  |  |  | 0 | 0 |  |
| 63 | Võ Kim Sơn                          |                                          | Người phụ trách quản trị Công ty |  |  | 0 | 0 |  |
| 64 | Phạm Thị Hòa                        |                                          |                                  |  |  | 0 | 0 |  |
| 65 | Võ Minh Hoàng                       |                                          |                                  |  |  | 0 | 0 |  |
| 66 | Võ Thị Thu Giang                    |                                          |                                  |  |  | 0 | 0 |  |
| 67 | Phạm Thị Hiếu                       | 009C004589<br>058C 022566<br>026C 324661 | Kế toán trưởng                   |  |  | 0 | 0 |  |

|    |                           |                 |                         |  |  |   |   |  |
|----|---------------------------|-----------------|-------------------------|--|--|---|---|--|
|    |                           | 005C<br>2076811 |                         |  |  |   |   |  |
| 68 | Phan Anh<br>Tuân          |                 |                         |  |  | 0 | 0 |  |
| 69 | Nguyễn<br>Thị Thu<br>Thủy |                 | Trưởng ban<br>kiểm soát |  |  | 0 | 0 |  |
| 70 | Nguyễn<br>Minh Sơn        |                 |                         |  |  | 0 | 0 |  |
| 71 | Nguyễn<br>Thị Nga         |                 |                         |  |  | 0 | 0 |  |
| 72 | Vũ Nam<br>Thủy Tiên       |                 |                         |  |  | 0 | 0 |  |
| 73 | Vũ Nam<br>Phong           |                 |                         |  |  | 0 | 0 |  |
| 74 | Nguyễn<br>Đức Phan        |                 |                         |  |  | 0 | 0 |  |
| 75 | Nguyễn<br>Tiến<br>Hoàng   |                 |                         |  |  | 0 | 0 |  |
| 76 | Nguyễn<br>Thị Hồng<br>Dị  |                 | Thành viên<br>BKS       |  |  | 0 | 0 |  |
| 77 | Nguyễn<br>Văn Bút         |                 |                         |  |  | 0 | 0 |  |
| 78 | Bùi Thị<br>Rần            |                 |                         |  |  | 0 | 0 |  |
| 79 | Nguyễn<br>Xuân<br>Bách    |                 |                         |  |  | 0 | 0 |  |

|    |                |  |                |  |  |   |   |  |
|----|----------------|--|----------------|--|--|---|---|--|
| 80 | Trần Hồng Quân |  |                |  |  | 0 | 0 |  |
| 81 | Trần Thị Thủy  |  | Thành viên BKS |  |  | 0 | 0 |  |
| 82 | Trần Xuân Tiệp |  |                |  |  | 0 | 0 |  |
| 83 | Phạm Thị Thập  |  |                |  |  | 0 | 0 |  |
| 84 | Trần Thị Hiếu  |  |                |  |  | 0 | 0 |  |
| 85 | Trần Thị Thủy  |  |                |  |  | 0 | 0 |  |
| 86 | Trần Xuân Lực  |  |                |  |  | 0 | 0 |  |
| 87 | Trần Văn Sơn   |  |                |  |  | 0 | 0 |  |
| 88 | Lê Quốc Mạnh   |  |                |  |  | 0 | 0 |  |

## 2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty

| Stt | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ  | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ |       | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ |       | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|-----|---------------------------|---------------------------|---------------------------|-------|----------------------------|-------|----------------------------------------------------|
|     |                           |                           | Số cổ phiếu               | Tỷ lệ | Số cổ phiếu                | Tỷ lệ |                                                    |
| 1   | Vũ Đức Quân               | TV HĐQT/<br>Tổng Giám đốc | 1.000.000                 | 3,82% | 0                          | 0%    | Bán                                                |

## IX. Các vấn đề cần lưu ý khác

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

### CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Lê Quang Huy